Name:

Prepositions of time

In (trong, vào)	Chỉ thời gian dài như: tháng/năm/mùa. Chỉ các buổi trong ngày (trừ noon, night, midday, midnight)
On (vào)	Chỉ ngày, ngày và tháng, hoặc một ngày lễ
At (vào lúc)	Chỉ thời điểm cụ thể trong ngày hay giờ giấc. Chỉ dịp lễ (thời gian dịp lễ nói chung, không phải 1 ngày).
By	trước/ muộn nhất là
Before	trước khi
After	sau khi
For	trong khoảng thời gian
Till/ Until	Chỉ mốc thời gian mà một hành động kéo dài tới khi đó
Between (giữa)	Chỉ giữa 2 mốc thời gian mà một hành động diễn ra
From ... to/ till/ until...	từ ... đến thời gian nào

LIVEWORKSHEETS